

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-ST

Ngày 17- 02 - 2020

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Duyên Văn Hiền; Ông Bùi Xuân Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 562/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng góp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 6B, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Chị Lữ Thị H, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 6A, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 17/12/2019, biên bản hòa giải ngày 06/01/2020 cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày:

Vào ngày 04/01/2018, chị có tham gia 01 phần hui do chị Lữ Thị H làm chủ. Dây hui này có 34 chung, loại hui 5.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, chị tham gia 01 chung, chị đóng được 22 kỳ thì phía chị H đình hui. Hui này chị chưa hót, hui này chưa mãn. Nếu tính hui chết chị H còn nợ chị 110.000.000 đồng.

Vào ngày 15/01/2019, chị cũng tham gia 01 phần hui do chị H làm chủ, dây hui này có 40 chung, loại hui 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai 02 lần, chị tham gia 01 chung, đóng được 19 lần thì chị H tuyên bố đình hui. Hui này, chị chưa hót, hui này chưa mãn, tính hui chết chị H nợ chị 38.000.000 đồng. Tổng 02 dây hui chị H nợ chị 110.000.000 đồng + 38.000.000 đồng = 148.000.000 đồng.

Ngày 12/12/2019, chị có yêu cầu đến Ban nhân dân khóm 6A, thị trấn Sông Đốc, giải quyết chị H đồng ý trả số tiền trên nhưng trả mỗi tháng 2.500.000 đồng. Chị không đồng ý yêu cầu trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, chị H không có khả năng trả nên cuộc hòa giải không thành.

Nay chị yêu cầu chị Lữ Thị H trả cho chị tổng số tiền của 02 dây hụi là 148.000.000 đồng. Ngoài ra, Chị không yêu gì.

Tại biên bản hòa giải ngày 06/01/2020, và tại phiên tòa chị Lữ Thị H trình bày: Chị thống nhất về thời gian chơi hụi, đóng hụi của 02 dây hụi đúng như chị N trình bày. Đối với hụi 5.000.000 đồng chị đồng ý trả số tiền vốn là 50.000.000 đồng. Hụi 2.000.000 đồng, chị đồng ý trả số tiền vốn 25.000.000 đồng. Ngoài ra chị còn trả thêm 10.000.000 đồng là tiền rủi ro trong quá trình chơi hụi của 02 dây hụi nêu trên. Tổng số tiền 85.000.000 đồng. Số tiền còn lại 63.000.000 đồng chị không đồng ý.

Tại phiên tòa chị N đồng ý nhận số tiền 85.000.000 đồng nhưng chị H phải trả cho chị trong thời gian 01 năm là dứt điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Do bị đơn chị Lữ Thị H có nơi cư trú tại khóm 6A, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp: Nợ tiền hụi, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Theo chị N trình bày, chị có tham gia 02 dây hụi: Loại 5.000.000 đồng khai vào ngày 04/01/2018a, hụi này có 34 chung, mỗi tháng khai 01 lần, chị tham gia 01 chung, đóng được 22 kỳ, chưa hết. Loại hụi 2.000.000 đồng khai vào ngày 05/01/2019, hụi này có 40 chung, mỗi tháng khai 02 lần, chị tham gia 01 chung, đóng được 19 kỳ, chưa hết. Cả 02 dây hụi này chủ hụi tuyên bố đình hụi vào khoảng tháng 10/2019. Từ khi đình hụi đến nay chị H có trả cho chị được 6.000.000 đồng.

Tại phiên tòa chị N đồng ý nhận số tiền 85.000.000 đồng nhưng chị H phải trả cho chị trong thời gian 01 năm là dứt điểm. Đối với số tiền 6.000.000 đồng chị không đồng ý trừ vào số tiền 85.000.000 đồng vì từ khi chị H vi phạm nghĩa vụ bỏ đi cho đến nay chị đã không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa chị H đồng ý trả cho chị N số tiền vốn của 02 dây hụi, tổng cộng, số tiền 85.000.000 đồng.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng các bên đồng ý trừ lẫn nhau không đặt ra xem xét.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Tại phiên tòa, chị N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H trả cho chị

số tiền nợ hui của 02 dây hui là 85.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị H đồng ý trả 85.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; trong giai đoạn xét xử chị N có cung cấp cho Tòa án danh sách hui viên của 02 dây hui mà chị tham gia, biên bản hòa giải cơ sở ngày 12/12/2019 của Ban hòa giải khóm 6A, thị trấn Sông Đốc.

Xét, giao dịch chơi hui giữa chị Nguyễn Hồng N và chị Lữ Thị H là thực tế và chị H thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 06/01/2020 và tại phiên tòa nên đây được xem là chứng cứ có thật, không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, cũng như lời thừa nhận của bị đơn là hợp lệ, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Buộc chị Lữ Thị H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch; chị Nguyễn Hồng N được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 92, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 và Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng N.

Buộc chị Lữ Thị H trả lại cho chị Nguyễn Hồng N số tiền 85.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày chị Nguyễn Hồng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lữ Thị H không thi hành xong khoản tiền trên, chị Lữ Thị H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Chị Lữ Thị H phải nộp số tiền 4.250.000 đồng (chưa nộp); Chị Nguyễn Hồng N được nhận lại số tiền 3.700.000 đồng theo biên lai thu số 0003033 ngày 23/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Chí Công